

HIỆP ĐỊNH

GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ
LIÊN BANG NGA VỀ VIỆC TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ NGĂN NGỪA VIỆC
TRỒN LẬU THUẾ LIÊN QUAN ĐẾN THUẾ THU NHẬP

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ LIÊN BANG NGA

Mong muốn ký kết một Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa trốn lậu thuế đối với thuế thu nhập,

Hai bên thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1. PHẠM VI CÁ NHÂN

Hiệp định này áp dụng đối với đối tượng cư trú của một hoặc cả hai Nước ký kết.

ĐIỀU 2. CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM

1. Hiệp định này sẽ áp dụng cho thuế thu nhập đối với một Nước ký kết không phân biệt theo cách áp dụng.

2. Thuế được xem như là thuế thu nhập khi được áp dụng trên tổng thu nhập hoặc trên các yếu tố thu nhập, bao gồm các loại thuế đánh vào lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, thuế đánh vào tổng số tiền lương do các doanh nghiệp chi trả các doanh nghiệp cũng như thuế đánh trên tăng giá trị vốn

3. Các loại thuế hiện hành mà Hiệp định được áp dụng cụ thể là:

a. Tại Việt Nam:

- (i) Thuế thu nhập cá nhân,
- (ii) Thuế lợi tức, và
- (iii) Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài
(sau đây gọi tắt là “thuế Việt Nam”);

b. Tại Nga - thuế được áp dụng theo quy định của pháp luật sau đây của Liên bang Nga:

- (i) Thuế lợi tức của doanh nghiệp và tổ chức
- (ii) Thuế thu nhập ngân hàng,
- (iii) Thuế thu nhập từ hoạt động bảo hiểm, và
- (iv) Thuế thu nhập trên mỗi cá nhân
(sau đây gọi tắt là “thuế Nga”);

4. Hiệp định này cũng áp dụng đối với bất kỳ loại thuế khác có cùng đặc tính tương tự và sau đó áp dụng thêm vào, hoặc thay thế các loại thuế nêu trong khoản 3. Cơ quan có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi quan trọng đã được thực hiện trong các luật thuế của mình.

ĐIỀU 3. ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1. Theo Hiệp định này, trừ khi có yêu cầu khác thì:

a. Thuật ngữ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và khi được sử dụng trong một nghĩa địa lý thì bao gồm:

(i) bất kỳ khu vực vượt ra ngoài lãnh hải của Việt Nam, phù hợp với luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam, là một khu vực mà trong đó Việt Nam thực hiện quyền chủ quyền đối với các nguồn tài nguyên đáy biển và lòng đất và nguồn tài nguyên thiên nhiên;

(ii) các vùng biển và vùng trời trên mỗi khu vực được đề cập trong tiểu mục (i) đối với bất kỳ hoạt động thực hiện kết nối với thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên được đề cập ở đây;

b. Thuật ngữ "nước Nga" có nghĩa là Liên bang Nga và khi được sử dụng trong một nghĩa địa lý, bao gồm lãnh thổ, lãnh hải cũng như các khu kinh tế và thềm lục địa mà Nhà nước này thực hiện quyền chủ quyền, quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật nội bộ của mình và luật pháp quốc tế;

c. các thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết khác" có nghĩa là Việt Nam hoặc Nga tùy theo ngữ cảnh;

d. Thuật ngữ "đối tượng" bao gồm một cá nhân, doanh nghiệp, công ty và bất kỳ tổ chức nào khác gồm nhiều đối tượng;

e. Thuật ngữ "công ty" có nghĩa là bất kỳ công ty pháp nhân hoặc pháp nhân nào được xem như là một công ty pháp nhân cho mục đích thuế;

f. các thuật ngữ "doanh nghiệp của một Nước ký kết" và "doanh nghiệp của Nhà nước ký kết kia" có nghĩa là tương ứng với một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g. thuật ngữ " công dân" có nghĩa là:

(i) trong trường hợp Việt Nam - bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch Việt Nam và bất kỳ pháp nhân, quan hệ đối tác, liên kết phát sinh tình trạng như vậy từ các pháp luật có hiệu lực tại Việt Nam;

(ii) trong trường hợp của Nga - bất kỳ cá nhân nào có quốc tịch Nga;

h. "cơ quan có thẩm quyền" có nghĩa là:

(i) trong trường hợp của Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được uỷ quyền của Bộ trưởng;

(ii) trong trường hợp của Nga, Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được uỷ quyền của Bộ trưởng;

i. thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất kỳ vận chuyển bằng tàu hoặc máy bay điều hành bởi một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi vận chuyển chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia.

2. Liên quan đến việc áp dụng Hiệp định này bởi một Nước ký kết, bất kỳ thuật ngữ nào không được định nghĩa trong đó sẽ có ý nghĩa theo pháp luật của Nước đó có liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng trừ khi ngữ cảnh có yêu cầu khác.

ĐIỀU 4. ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1. Theo Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất kỳ người nào, theo pháp luật của Nước đó, thuộc đối tượng chịu thuế vì lý do chỗ ở, nơi cư trú, nơi quản lý, nơi đăng ký hoặc bất kỳ tiêu chí nào khác có tính chất tương tự.
2. Trường hợp vì lý do các quy định của khoản 1, một cá nhân là một đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, sau đó tình trạng của anh ta được xác định như sau:
 - a. anh ta được coi là một đối tượng cư trú của Nước ký kết, trong đó anh ta sở hữu một ngôi nhà ở thường trú. Nếu anh ta có một ngôi nhà ở thường trú ở cả hai nước, anh ta được coi là một đối tượng cư trú của Nước mà quan hệ cá nhân và kinh tế với Nước đó chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);
 - b. nếu Nước ký kết mà ở đó anh ta có trung tâm của các quyền lợi chủ yếu không thể được xác định, hoặc nếu anh ta không có một ngôi nhà ở thường trú ở cả hai Nước, anh ta sẽ được coi là 1 đối tượng cư trú của Nước mà anh ta sống tại đó thường xuyên nhất
 - c. nếu anh ta thường xuyên ở cả hai Nước hoặc không Nước nào cả, ông sẽ được coi là một đối tượng cư trú của Nước mà anh ta là một công dân;
 - d. nếu mỗi Nước ký kết xem anh ta là một công dân của mình hoặc nếu anh ta không phải là một công dân của cả hai Nước ký kết, cơ quan có thẩm quyền của hai Nước ký kết có trách nhiệm giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận với nhau.
3. Trường hợp vì lý do các qui định của khoản 1, một người, ngoài là một cá nhân, còn là một đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, khi đó anh ta sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết nơi có trụ sở quản lý hiệu quả.

ĐIỀU 5. CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1. Theo Hiệp định này, thuật ngữ "Cơ sở thường trú" là nơi kinh doanh cố định mà qua đó công việc kinh doanh của một doanh nghiệp của một Nước Ký kết được tiến hành toàn bộ hay một phần tại Nước Ký kết kia.
2. Thuật ngữ "Cơ sở thường trú" đặc biệt bao gồm:
 - a. một trụ sở quản lý;
 - b. một chi nhánh;
 - c. một văn phòng;
 - d. một nhà máy;
 - e. một xưởng;
 - f. một mỏ, giếng dầu, mỏ đá hoặc bất cứ nơi khai thác các nguồn tài nguyên và
 - g. kho chứa
3. Thuật ngữ "Cơ sở thường trú" mặt khác bao gồm:
 - a. một công trường xây dựng hoặc dự án lắp đặt, hoạt động giám sát có liên quan mà tiếp tục trong một khoảng thời gian hơn sáu tháng.
 - b. việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả các dịch vụ tư vấn và bảo hiểm, thông qua nhân viên tham gia bởi doanh nghiệp cho mục đích đó trong một khoảng thời gian hơn mười hai tháng.
4. sử dụng các phương tiện riêng cho mục đích lưu trữ, trưng bày hàng hóa của doanh nghiệp;

- b. việc duy trì một cổ phiếu hàng hóa hoặc hàng hóa thuộc doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu trữ hoặc trưng bày;
- c. việc duy trì một cổ phiếu hàng hóa hoặc hàng hóa thuộc doanh nghiệp chỉ với mục đích chế biến bởi một doanh nghiệp khác;
- d. việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hóa hoặc thu thập thông tin cho doanh nghiệp.

5. Mặc dù có các quy định tại khoản 1 và 2, một đối tượng hoạt động tại một Nước Ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp Nước ký kết khác (không phải là một đại lý có tư cách độc lập mà khoản 6 áp dụng) sẽ được coi là một cơ sở thường trú tại Nước khác đó đối với bất kỳ hoạt động nào nếu đối tượng này:

- a. có, và thường xuyên thực hiện thẩm quyền chung tại Nước ký kết đề cập đầu tiên ký hợp đồng dưới danh nghĩa của doanh nghiệp, hoặc
- b. không có thẩm quyền như vậy, nhưng duy trì tại Nước ký kết đề cập đầu tiên một cổ phiếu hay hàng hóa thuộc doanh nghiệp mà từ đó anh ta thường xuyên giao hàng hóa hoặc hàng hóa thay mặt cho doanh nghiệp.

6. Một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia chỉ đơn thuần là bởi vì doanh nghiệp đó kinh doanh tại Nước đó thông qua một nhà môi giới, tổng đại lý hoa hồng hoặc đại lý nào khác có tư cách độc lập trong trường hợp những người này đang hoạt động việc kinh doanh của họ một cách bình thường.

7. Trên thực tế một công ty là một đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc được kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hoặc dưới hình thức khác), thì nó sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành một cơ sở thường trú của Công ty kia.

ĐIỀU 6. THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thu nhập từ bất động sản, bao gồm cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp sẽ bị đánh thuế chỉ trong Nước ký kết mà bất động sản có tại đó.
2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ được định nghĩa theo pháp luật của Nước ký kết, trong đó tài sản được nói tới nằm tại Nước đó. Thuật ngữ "bất động sản" trong bất cứ trường hợp nào đều bao gồm các tài sản phụ đi kèm với bất động sản, vật nuôi và thiết bị được sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền mà qui định của pháp luật chung liên quan tới việc áp dụng tài sản đất đai, quyền hưởng hoa lợi của bất động sản và các quyền thanh toán thay đổi hoặc cố định như xem xét cho làm việc, hoặc quyền khai thác các mỏ khoáng sản, các nguồn và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác, tàu và máy bay không được coi là bất động sản.
3. Các quy định của khoản 1 được áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc sử dụng trực tiếp, cho thuê, hoặc sử dụng trong bất kỳ hình thức khác của bất động sản.
4. Các quy định của khoản 1 và 3 cũng được áp dụng đối với thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7. LỢI NHUẬN KINH DOANH

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ khi doanh nghiệp tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết khác thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước ký kết khác đó. Nếu doanh nghiệp tiến hành kinh doanh như nêu trên, lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế do phân bổ cho:

a. cơ sở thường trú đó, hoặc

b. doanh số bán hàng tại Nước khác đối với hàng hóa cùng loại hoặc tương tự như hàng hóa được bán thông qua cơ sở thường trú đó.

2. Theo quy định của khoản 3, khi một doanh nghiệp của một Nước ký kết tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết khác thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước ký kết khác đó, thì lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú đó trong mỗi Nước ký kết có thể được dự kiến thực hiện nếu nó là một doanh nghiệp khác biệt và riêng biệt tham gia vào các hoạt động giống nhau hoặc tương tự theo các điều kiện giống nhau hoặc tương tự và xử lý hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà nó là một cơ sở thường trú.

3. Khi xác định lợi nhuận của một cơ sở thường trú, thì được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh cho các mục đích của cơ sở thường trú, bao gồm một sự phân bổ hợp lý của các chi phí hành chính chung và điều hành phát sinh cho các mục đích của doanh nghiệp nói chung, cho dù cơ sở thường trú đó đóng trong Nước ký kết hoặc ở nơi khác. Tuy nhiên, không có khấu trừ như vậy được cho phép đối với các khoản được thanh toán, nếu có (trừ trường hợp đối với hoàn trả các chi phí thực tế) bởi cơ sở thường trú cho trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của nó, bằng thuế tài nguyên, lệ phí hoặc các khoản thanh toán tương tự khác để đổi lại cho việc sử dụng các bằng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc bằng cách trả tiền hoa hồng cho các dịch vụ cụ thể được thực hiện hoặc cho việc quản lý, hoặc, ngoại trừ trong trường hợp của doanh nghiệp ngân hàng, bằng lãi suất từ tiền cho vay đối với các cơ sở thường trú.

Tương tự như vậy, không có tài khoản nào được sử dụng để ghi các số tiền, trong việc xác định lợi nhuận của một cơ sở thường trú (trừ trường hợp đối với hoàn trả các chi phí thực tế) bởi cơ sở thường trú cho trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của nó, bằng thuế tài nguyên, lệ phí hoặc các khoản thanh toán tương tự khác để đổi lại cho việc sử dụng các bằng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc bằng cách trả tiền hoa hồng cho các dịch vụ cụ thể được thực hiện hoặc cho việc quản lý, hoặc, ngoại trừ trong trường hợp của doanh nghiệp ngân hàng, bằng lãi suất từ tiền cho vay đối với trụ sở chính của doanh nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của nó.

4. Không có lợi nhuận được phân bổ cho một cơ sở thường trú vì lý do của việc mua hàng hóa cho doanh nghiệp bởi cơ sở thường trú đó.

5. Vì thông thường tại một Nước ký kết việc xác định lợi nhuận phân bổ cho một cơ sở thường trú dựa trên cơ sở phân bổ tổng lợi nhuận của doanh nghiệp cho các bộ phận khác nhau của nó, không có qui định nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết trong việc xác định lợi nhuận bị đánh thuế bằng cách phân bổ như vậy theo lệ thường.

Tuy nhiên, phương pháp phân bổ thông qua sẽ là như vậy mà kết quả được thực hiện phù hợp với các nguyên tắc nêu tại Điều này.

6. Trường hợp lợi nhuận bao gồm các khoản thu nhập sẽ được xử lý riêng rẽ tại các Điều khác của Hiệp định này, khi đó các quy định của những Điều khác đó sẽ không bị ảnh hưởng bởi các quy định của Điều này.



7. Đối với các mục đích của những khoản trên đây, lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú được xác định bởi cùng một phương pháp theo từng năm, trừ khi có lý do chính đáng và đầy đủ ngược lại.

ĐIỀU 8. THU NHẬP TỪ VẬN TẢI HÀNG HẢI VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết từ các hoạt động của tàu hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.
2. Các quy định của khoản 1 cũng áp dụng đối với thu nhập từ việc tham gia trong một tổ hợp doanh nghiệp, một doanh nghiệp liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế.

ĐIỀU 9. ĐIỀU CHỈNH THU NHẬP

Trong trường hợp

- a. một doanh nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp trong việc kiểm soát, quản lý vốn của một doanh nghiệp Nhà nước ký kết kia, hoặc
- b. các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp trong việc quản lý, kiểm soát hoặc vốn của doanh nghiệp một Nước ký kết và doanh nghiệp Nhà nước ký kết khác,

và trong từng trường hợp, các điều kiện được thực hiện hoặc áp đặt giữa hai doanh nghiệp trong quan hệ thương mại, tài chính của họ khác với những điều kiện sẽ được thực hiện giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó bất kỳ lợi nhuận mà đã có thể tích lũy đối với một trong những doanh nghiệp, nhưng, vì lý do của những điều kiện đó, đã không thể tích lũy được, có thể được bao gồm trong lợi nhuận của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế phù hợp.

ĐIỀU 10. CỔ TỨC

1. Cổ tức phát sinh tại một Nước ký kết và trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.
2. Tuy nhiên, cổ tức như vậy cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết mà công ty trả cổ tức là một cư dân và theo pháp luật của Nước ký kết đó, nhưng, nếu người nhận là chủ sở hữu hưởng lợi của cổ tức, thuế được tính sẽ không vượt quá:
 - a. 10% của tổng số tiền cổ tức nếu các đối tượng cư trú của Nhà nước ký kết khác đã trực tiếp đầu tư vào vốn cổ phần vốn chủ sở hữu của công ty đó không ít hơn 10.000.000 đô la Mỹ; và
 - b. 15% của tổng số tiền cổ tức trong tất cả các trường hợp khác. Các quy định của khoản này không ảnh hưởng đến việc đánh thuế của công ty đối với lợi nhuận trong đó cổ tức được thanh toán.
3. Thuật ngữ "cổ tức" như được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, tham gia vào trong lợi nhuận, hoặc các quyền khác (không phải là quyền đòi nợ), cũng như thu nhập từ các quyền khác của công ty là đối tượng để đánh thuế như thu nhập từ cổ phần theo quy định của pháp luật thuế tại Nước ký kết mà công ty thực hiện việc phân phối là một đối tượng cư trú.
4. Các quy định của khoản (1) và (2) Điều này không áp dụng nếu chủ sở hữu hưởng lợi cổ tức, là một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết khác mà công ty trả cổ tức là một đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước ký kết khác đó hoặc thực hiện tại Nước ký kết khác đó các dịch vụ cá nhân độc lập từ một cơ sở cố định nằm tại Nước ký kết khác đó, và cổ phần trong đó cổ tức được thanh toán có liên hệ thực tế với

cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định. Trong trường hợp này các quy định của Điều 7 hoặc Điều 14 của Hiệp định này sẽ được áp dụng, tùy từng trường hợp.

ĐIỀU 11. TIỀN LÃI

1. Lãi phát sinh tại một Nước ký kết và được thanh toán cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết khác có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết khác đó.
2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo luật của Nước đó, nhưng nếu người nhận là chủ sở hữu hưởng tiền lãi, thuế được tính sẽ không vượt quá 10% tổng số tiền lãi.
3. Thuật ngữ "tiền lãi" sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ quyền đòi nợ của mỗi loại, có hoặc không có bảo đảm bằng thế chấp và quyền tham gia trong lợi nhuận của người đi vay, và đặc biệt là thu nhập từ chứng khoán chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc công trái, bao gồm tiền thưởng và giải thưởng kèm theo chứng khoán, trái phiếu hoặc công trái. Tiền phạt do thanh toán chậm sẽ không được xem như tiền lãi theo Điều này.
4. Các quy định của khoản (1) và (2) Điều này không được áp dụng nếu chủ sở hữu hưởng tiền lãi là một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết khác mà tại đó tiền lãi phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú ở Nước ký kết khác đó, hoặc thực hiện tại Nước ký kết khác đó các dịch vụ cá nhân độc lập từ một cơ sở cố định tại Nước ký kết khác đó, và quyền đòi nợ mà lãi được chi trả được liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định. Trong trường hợp này các quy định của Điều 7 hoặc Điều 14 của Hiệp định này sẽ được áp dụng, tùy theo từng trường hợp.
5. Tiền lãi được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả tiền chính là Nước đó, một chính quyền cơ sở, cơ quan có thẩm quyền hoặc đối tượng cư trú của nước đó. Tuy nhiên, trong trường hợp một người trả tiền lãi, cho dù anh ta là một đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, có tại một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định liên quan tới các khoản nợ mà tiền lãi được trả đã phát sinh, và tiền lãi này do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định chịu trách nhiệm thanh toán, sau đó tiền lãi này sẽ được coi là phát sinh ở Nước nơi đặt cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định.
6. Trong trường hợp, vì lý do của một mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng nộp và chủ sở hữu hưởng tiền lãi hoặc giữa hai người và một số người khác, số tiền lãi có liên quan tới quyền đòi nợ được trả vượt quá, số tiền sẽ được thỏa thuận bởi đối tượng nộp và chủ sở hữu hưởng tiền lãi trong trường hợp không có mối quan hệ như vậy, các quy định của Điều này chỉ áp dụng đối với số tiền lãi được đề cập cuối cùng. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt mức sẽ bị đánh thuế theo pháp luật của mỗi Nước ký kết có xét tới các điều khoản khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 12. TIỀN BẢN QUYỀN

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết khác có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết khác đó.
2. Tuy nhiên, tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi mà tiền bản quyền phát sinh, và theo pháp luật của Nước ký kết đó, nhưng nếu người nhận là chủ sở hữu hưởng tiền bản quyền thì thuế được tính sẽ không vượt quá 15% của tổng số tiền bản quyền.
3. Thuật ngữ "Tiền bản quyền" như được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được nhận như là một sự xem xét cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng bất kỳ bản quyền của tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học (bao gồm phim ảnh, băng

hình cho đài phát thanh hoặc truyền hình), bất kỳ bằng sáng chế, thương hiệu, thiết kế hoặc kiểu dáng, kế hoạch, chương trình máy tính, công thức hoặc quy trình bí mật, hoặc cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, thiết bị công nghiệp, thương mại, khoa học, hoặc thông tin liên quan đến kinh nghiệm công nghiệp hoặc khoa học.

4. Các quy định của khoản 1 không được áp dụng nếu chủ sở hữu hưởng tiền bản quyền là một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết khác mà ở đó tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú được đặt ở đó, hoặc thực hiện tại Nước ký kết khác đó các dịch vụ cá nhân độc lập từ một cơ sở cố định được đặt ở đó, và quyền hoặc tài sản mà trong đó tiền bản quyền được trả có liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định. Trong trường hợp này các quy định của Điều 7 hoặc Điều 14 của Hiệp định này được áp dụng, tùy theo từng trường hợp.

5. Trong trường hợp, vì lý do của một mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng nộp và chủ sở hữu hưởng tiền lãi hoặc giữa hai người và một số người khác, số tiền bản quyền, có liên quan đến việc sử dụng, quyền hay thông tin mà họ được trả tiền, vượt quá số tiền đã được thoả thuận trả bởi đối tượng nộp và chủ sở hữu hưởng lợi, trong trường hợp không có mối quan hệ như vậy, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với số tiền bản quyền được đề cập cuối cùng. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt mức sẽ bị đánh thuế theo pháp luật của mỗi Nước ký kết có xét tới các điều khoản khác của Hiệp định này.

6. Tiền bản quyền được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng nộp là một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, trong trường hợp người trả tiền bản quyền, cho dù anh ta là một đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, có tại một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định có liên quan tới trách nhiệm để trả tiền bản quyền phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định chịu trách nhiệm, khi đó tiền bản quyền đó được coi là phát sinh trong Nước ký kết mà ở đó có đặt cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định.

ĐIỀU 13. THẶNG DƯ TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1. Thặng dư phát sinh từ một đối tượng cư trú của một Nước ký kết từ việc chuyển nhượng bất động sản được đề cập trong Điều 6 và được đặt tại Nước ký kết khác có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết khác đó.

2. Thặng dư có từ việc chuyển nhượng động sản hình thành một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại một Nước ký kết khác hoặc động sản liên quan đến một cơ sở cố định có sẵn đối với một đối tượng cư trú của một Nước ký kết trong một Nước ký kết khác vì mục đích thực hiện các dịch vụ cá nhân độc lập, bao gồm thặng dư từ việc chuyển nhượng của một cơ sở thường trú (một mình hoặc với toàn bộ doanh nghiệp) có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết khác đó.

3. Thặng dư phát sinh từ một đối tượng cư trú của một Nước ký kết từ việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ phiếu vốn của một pháp nhân, tài sản trong đó chủ yếu bao gồm trực tiếp hoặc gián tiếp bất động sản nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

4. Thặng dư từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác ngoài những gì đã đề cập đến tại khoản 1, 2 và 3 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết trong đó người chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 14. THU NHẬP TỪ DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1. Thu nhập của một cá nhân đối với các dịch vụ chuyên nghiệp hoặc hoạt động khác của một cá nhân độc lập thực hiện tại một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.
2. Thuật ngữ "Dịch vụ chuyên nghiệp" đặc biệt bao gồm các hoạt động độc lập về giảng dạy, giáo dục, nghệ thuật, văn chương và khoa học cũng như các hoạt động độc lập của các bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán.

ĐIỀU 15. THU NHẬP TỪ CÔNG VIỆC

1. Theo quy định của Điều 16, 18, 19 của Hiệp định này, tiền lương, tiền công và thù lao tương tự khác của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết liên quan tới một công việc sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ khi công việc đó được thực hiện tại Nước ký kết khác. Nếu công việc đó được thực hiện, thì thù lao phát sinh từ đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết khác đó.
2. Mặc dù có các quy định của khoản 1, thù lao của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết đối với một công việc được thực hiện tại Nước ký kết khác sẽ phải chịu thuế chỉ ở trong Nước đã đề cập đầu tiên nếu:
 - a. người nhận thù lao hiện diện trong Nước ký kết khác trong một khoảng thời gian không quá 183 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian mười hai tháng;
 - b. tiền thù lao được trả bởi, hoặc thay mặt cho một người thuê nhân công mà không là đối tượng cư trú của Nước ký kết khác đó; và
 - c. tiền thù lao sẽ không được thanh toán bởi một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà người thuê nhân công có tại Nước Ký kết đó.
3. Mặc dù có các quy định trước của Điều này, tiền thù lao của một đối tượng cư trú của một Nước Ký kết có nguồn gốc từ một công việc được thực hiện trên một con tàu hoặc máy bay hoạt động vận tải quốc tế có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết mà một đối tượng điều khiển phương tiện vận tải là một đối tượng cư trú.

ĐIỀU 16. CHI PHÍ THUÊ GIÁM ĐỐC

Chi phí thuê giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác có nguồn gốc từ một đối tượng cư trú của một Nước ký kết với tư cách là một thành viên của Hội đồng quản trị của một công ty là một đối tượng cư trú của Nhà nước ký kết khác có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết khác đó.

ĐIỀU 17. THU NHẬP CỦA NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1. Mặc dù có các quy định của Điều 14 và 15 của Hiệp định này, thu nhập phát sinh của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết là một nghệ sĩ, chẳng hạn một nghệ sĩ nhà hát, phim ảnh, phát thanh, truyền hình, hoặc nhạc sĩ, vận động viên, từ các hoạt động cá nhân của mình được thực hiện tại Nước ký kết khác, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết khác đó.
2. Trường hợp thu nhập đối với các hoạt động cá nhân thực hiện bởi một nghệ sĩ hoặc vận động viên không những phát sinh cho chính người nghệ sĩ hoặc vận động viên đó mà còn cho người khác, thì thu nhập đó có thể, ngoài các Điều 7 và 14 và 15, sẽ bị đánh thuế tại Nước ký kết, mà ở đó người nghệ sĩ hoặc vận động viên thực hiện các hoạt động của mình.

ĐIỀU 18. LƯƠNG HƯU

Bất kỳ lương hưu (khác với khoản tiền trợ cấp nêu tại khoản 2 Điều 19) và thù lao tương tự khác, của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có thể chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

ĐIỀU 19. THU NHẬP TỪ PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1.a. Thù lao, ngoài tiền lương hưu, được trả bởi một Nước ký kết hoặc một chính quyền cơ sở hoặc cơ quan có thẩm quyền địa phương cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nước ký kết đó hoặc chính quyền cơ sở hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

b. Tuy nhiên, thù lao như vậy sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu các dịch vụ được thực hiện tại nước đó và người nhận là một đối tượng cư trú của Nước đó, đó là:

(i) một công dân của Nước đó; hoặc

(ii) không phải là công dân của Nhà nước đề cập đầu tiên và không trở thành một đối tượng cư trú của Nước đó chỉ với mục đích thực hiện sự phục vụ.

2.a. Bất kỳ lương hưu chi trả bởi, hoặc từ các quỹ được tạo ra bởi một Nước ký kết, một chính quyền cơ sở hoặc một cơ quan có thẩm quyền địa phương cho một cá nhân đối với sự phục vụ cho Nước đó, một chính quyền cơ sở hoặc một cơ quan có thẩm quyền sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

b. Tuy nhiên, lương hưu này chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết khác nếu cá nhân là một đối tượng cư trú và là một công dân Nước đó.

3. Các quy định của Điều này sẽ không áp dụng đối với thù lao đối với sự phục vụ được thực hiện có liên quan tới việc kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết, một chính quyền cơ sở hoặc một cơ quan có thẩm quyền địa phương.

ĐIỀU 20. THU NHẬP CỦA GIÁO VIÊN, GIÁO SƯ VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

Mặc dù có các quy định của Điều 15, một giáo viên, giáo sư hay một nhà nghiên cứu đến thỉnh giảng tạm thời tại một trong các quốc gia ký kết trong một thời gian không quá hai năm đối với mục đích giảng dạy hoặc nghiên cứu tại một trường đại học, cao đẳng, hoặc giáo dục khác hoặc nghiên cứu tổ chức trong Nước đó và người này, hoặc ngay trước khi đi thỉnh giảng, là một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, thì đối với thù lao cho giảng dạy, nghiên cứu, được miễn thuế tại Nước đề cập đầu tiên.

ĐIỀU 21. THU NHẬP CỦA SINH VIÊN VÀ THỰC TẬP SINH

Một học sinh hoặc thực tập sinh có mặt tại một Nước ký kết chỉ với mục đích giáo dục hoặc đào tạo và người này hoặc ngay trước khi có mặt, là một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, sẽ được miễn thuế tại Nước đề cập đầu tiên từ các khoản thanh toán nhận được từ các nguồn tại Nước kia cho các mục đích giáo dục, cấp dưỡng hoặc đào tạo của mình.

ĐIỀU 22. THU NHẬP KHÁC

Bất kỳ thu nhập không được xử lý tại những Điều trên của Hiệp định này của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có từ các nguồn tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 23. PHƯƠNG THỨC BÃI BỎ ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1. Trường hợp đối tượng cư trú của một Nước ký kết có nguồn gốc thu nhập từ Nước ký kết khác, số tiền thuế trên thu nhập phải nộp tại Nước khác theo quy định của Hiệp định này, có thể được khấu trừ thuế tại Nước đề cập đầu tiên. Tuy nhiên, số tiền khấu trừ, không vượt quá số thuế của Nước đề cập đầu tiên đánh trên thu nhập tính theo của luật thuế và các quy định của nó.

2. Trường hợp một công ty là một đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cổ tức cho một công ty là một cư dân của Nước ký kết khác và kiểm soát trực tiếp không ít hơn 10% quyền biểu quyết của công ty đề cập đầu tiên, số tiền khấu trừ được đề cập trong khoản 1 Điều này sẽ bao gồm

thuế đã nộp bởi công ty đề cập đầu tiên tại Nước đề cập đầu tiên, đối với phần lợi nhuận của nó trong đó có tức được thanh toán.

3. Theo Điều này, thuật ngữ "thuế trên thu nhập phải nộp tại Nước kia" sẽ được coi là bao gồm số tiền thuế Nga hay Việt Nam mà theo luật pháp của một Nước ký kết và theo quy định của Hiệp định này, sẽ có được thanh toán nếu thuế Nga hay Việt Nam không được miễn hoặc giảm theo quy định của pháp luật và bất kỳ biện pháp khuyến khích đặc biệt khác được thiết kế để thúc đẩy phát triển kinh tế và đầu tư nước ngoài tại một Nước ký kết.

ĐIỀU 24. THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1. Trường hợp đối tượng cư trú của một Nước ký kết cho rằng các hành động của một hoặc cả hai Nước ký kết sẽ khiến anh ta phải chịu thuế không phù hợp với Hiệp định này, anh ta có thể, tuy có các biện pháp khắc phục hậu quả được cung cấp bởi luật pháp quốc gia của những Nước đó, giải trình trường hợp của anh ta cho cơ quan có thẩm quyền của Nước ký kết mà tại đó anh ta là một đối tượng cư trú. Trường hợp này phải được trình bày trong thời hạn ba năm kể từ thông báo hành động đầu tiên dẫn tới việc đánh thuế không phù hợp với quy định của Hiệp định này.

2. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu có sự phản đối cần được xác minh và nếu không thể đạt tới giải pháp thích hợp nhằm giải quyết vấn đề theo thỏa thuận song phương với cơ quan có thẩm quyền của Nước ký kết kia nhằm tránh việc đánh thuế không phù hợp với Hiệp định. Bất kỳ thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào thời hạn nội luật của các quốc gia ký kết.

3. Các cơ quan có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ cùng nỗ lực để giải quyết bằng thỏa thuận song phương bất kỳ vấn đề, trở ngại phát sinh cho việc diễn giải hoặc áp dụng Hiệp định này. Các cơ quan này cũng có thể tham khảo ý kiến với nhau về việc bãi bỏ việc đánh thuế hai lần trong trường hợp không quy định trong Hiệp định.

4. Các cơ quan có thẩm quyền của các Nước ký kết có thể liên lạc trực tiếp với nhau nhằm mục đích đạt được một thỏa thuận trong ý nghĩa của các khoản đề cập trước.

ĐIỀU 25. TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Cơ quan có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ trao đổi những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện các quy định của Hiệp định này hoặc nội luật của các Nước ký kết liên quan tới các loại thuế được đánh theo Hiệp định này trong phạm vi việc đánh thuế không trái với Hiệp định này, đặc biệt nhằm ngăn ngừa sự gian lận và trốn lậu thuế. Mọi thông tin mà một Nước ký kết nhận sẽ được xử lý bí mật giống như cách mà thông tin được thu nhận theo nội luật của Nước đó và chỉ sẽ được cung cấp cho đối tượng hoặc cơ quan có thẩm quyền (bao gồm Tòa án và các cơ quan hành chính) liên quan tới việc tính thuế hoặc thu thuế, cưỡng chế hoặc truy tố, xác định các khiếu nại liên quan tới các loại thuế mà Hiệp định này bao gồm. Các đối tượng và cơ quan có thẩm quyền này sẽ sử dụng các thông tin này vào mục đích nêu trên. Họ có thể cung cấp thông tin trong quá trình tố tụng công khai hoặc trong các quyết định của tòa án.

2. Không có trường hợp nào mà các quy định của khoản 1 được giải thích là buộc cơ quan có thẩm quyền của một trong hai Nước ký kết có nghĩa vụ:

a. thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hoặc thông lệ quản lý hành chính có tại cả hai Nước ký kết;

b. cung cấp các thông tin không thể tiết lộ theo các luật hoặc theo quá trình quản lý thông thường của cả hai Nước ký kết;

c. cung cấp các thông tin có thể tiết lộ bí mật về mua bán, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hoặc bí mật nghề nghiệp hoặc quá trình kinh doanh, hoặc cung cấp các thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách quốc gia.

ĐIỀU 26. NHÂN VIÊN NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ

Không nội dung nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng các ưu đãi về thuế dành cho các cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự theo các nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hoặc các qui định của các hiệp định đặc biệt.

ĐIỀU 27. HIỆU LỰC

1. Từng Nước ký kết sẽ thông báo cho nước kia bằng văn bản thông qua kênh ngoại giao về việc hoàn thành các thủ tục cần thiết theo luật pháp của nước mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày nhận các thông báo sau cùng:

a. Đối các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan tới các khoản thuế phải nộp hay khấu trừ hoặc sau ngày 01 tháng 01 tiếp theo sau năm dương lịch Hiệp định này có hiệu lực; và

b. Đối với thuế thu nhập khác trong khoảng thời gian chịu thuế bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày ngày 01 tháng 01 tiếp theo sau năm dương lịch Hiệp định này có hiệu lực;

ĐIỀU 28. CHẤM DỨT HIỆU LỰC

Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành cho tới khi được chấm dứt bởi một Nước ký kết. Mỗi Nước ký kết thông qua kênh ngoại giao có thể chấm dứt Hiệp định này bằng cách gửi thông báo chấm dứt trước ngày 30-06 bất kỳ năm dương lịch, bắt đầu từ sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực.

Trong trường hợp như vậy, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

a. Đối các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan tới các khoản thuế phải nộp hay khấu trừ hoặc sau ngày 01 tháng 01 tiếp theo sau ngày thông báo này được gửi; và

b. Đối với thuế thu nhập khác trong khoảng thời gian chịu thuế bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày ngày 01 tháng 01 tiếp theo sau ngày thông báo này được gửi;

ĐỀ XÁC NHẬN, những người ký tên dưới đây, được sự ủy quyền chính thức, đã ký vào Hiệp định này.

Thực hiện tại Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 1993 thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Nga và tiếng Anh, cả ba văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở giải thích.

Hiệp định này có hiệu lực vào ngày 21 tháng 3 năm 1996.

ĐẠI DIỆN
NƯỚC CHXHCNVN

ĐẠI DIỆN
NƯỚC CỘNG HÒA LIÊN BANG NGA